TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-PT
Ngày 17/9/2020
"*V/v Chia tài sản sau ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến;

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung;

Ông Lê Quốc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLPT-HN&GĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc *"Chia tài sản sau ly hôn"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/HNGĐ-ST ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1964 – Có mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Bị đơn: Ông Trương Văn D, sinh năm 1962 – Có mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Khai V, sinh năm 1985-Vắng mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Do có kháng cáo của bà Hồ Thị P và ông Trương Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị P trình bày: Tôi và ông Trương Văn D về chung sống với nhau từ năm 1984 nhưng trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn từ năm 2012 và được Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 21/QĐST-HNGĐ, ngày 30/5/2012. Tuy nhiên về phần tài sản chung giữa tôi và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, giữa tôi và ông D không thỏa thuận chia tài sản chung được, do vậy yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của tôi và ông D tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của pháp luật. Tài sản chung của tôi và ông D tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- 01 lô đất tọa lạc tại Bon B, xã N có diện tích 603,5m^2 trên đất có 01 căn nhà gỗ, phía trước có 01 mái hiên, tổng diện tích khoảng hơn 170m^2.

- 01 lô đất rẫy tọa lạc tại thôn 12, xã N có diện tích khoảng hơn 10.079m^2 trên đất trồng cà phê, điều và một số cây ăn trái. Phần đất này có 01 căn nhà xây cấp 4 do ông D xây để ở. (Diện tích này là diện tích thực tế hiện còn sau khi thu hồi)

- Số tiền bồi thường hỗ trợ do ảnh hưởng của đường dây điện 220KV là 36.213.797 còn lại chưa nhận tại Trung tâm phát triển quỹ đất. Đối với số tiền trước đó ông D đã nhận bà không yêu cầu.

Nay bà yêu cầu chia tài sản nêu trên theo quy định pháp luật. Đối với căn nhà xây dựng trên thửa đất toạ lạc tại thôn 12 do ông D xây dựng không yêu cầu. Đối với số tiền giải toả đền bù đã được phân chia nên không yêu cầu.

Đối với diện tích 603,5m^2 đất tọa lạc tại Bon B, xã N mua của ông Điểu N với số tiền 3.000.000đ có phần công sức đóng góp của con là Trương Khai V nên đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Văn D trình bày: Tôi chung sống với bà P từ năm 1984 nhưng đã ly hôn vào năm 2012, khi ly hôn tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình chung sống có các tài sản chung như bà P đã trình bày nhưng tôi không đồng ý chia các tài sản này theo yêu cầu của bà P. Vì ngày 08/8/2016 ông đã chia cho bà P số tiền 269.328.300 đồng tiền đền bù giải tọa thu hồi một phần lô đất tọa lạc tại thôn 12, xã N, huyện Đ nên tài sản còn lại tôi không chia. Đối với yêu cầu chia công sức đóng góp của con Trương Khai V tôi chỉ đồng ý chia với điều kiện Trương Khai V phải giúp tôi làm rẫy tại thôn 12, xã N, huyện Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trương Khai V trình bày: Vào năm 2002 bố mẹ tôi là ông D, bà P có mua 01 lô đất của ông Điểu Nhuâng có diện tích khoảng 2000m^2 với số tiền bao nhiêu tôi không biết, lúc đó tôi đang đi làm thuê và có gửi về cho mẹ 2.000.000đ để trả tiền mua lô

đất này, nhưng quá trình chung sống do gia đình khó khăn nên bố mẹ đã bán một phần và cho em trai một phần làm nhà để ở của diện tích đất nêu trên. Diện tích lô đất này hiền còn khoảng 667m^2. Nay bố mẹ tôi yêu cầu chia tài sản chung tôi yêu cầu chia công sức đóng góp của tôi đối với lô đất này với số tiền là 100.000.000đ. Phần đất đã bán và cho em trai là Trương Khai M tôi không có yêu cầu gì.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và xác minh ghi nhận như sau:

- Đối với lô đất thửa 323, tờ bản đồ 17 (Bản đồ đo đạc năm 2011), tọa lạc tại Bon B, xã N, huyện Đ có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Nam giáp đường nhựa liên thôn rộng 09m; Phía Bắc giáp đất ông T rộng 08m; Phía Tây giáp đất ông B dài 71m; Phía Đông giáp đất anh M dài 71m. Tổng diện tích lố đất là 603,5m^2.

Trên đất có các tài sản sau:

+ 01 căn nhà gỗ có diện tích ngang 8,4m, dài 11,9m, tổng diện tích là 99,96m^2 có kết cấu: mái lợp tôn, không có trần, tường xây lửng cao 02m tô chát hai mặt, phía trên tường ván, làm năm 1999; Phía trước căn nhà có 01 mái hiên có chiều ngang rộng 09m, chiều dài 8,4m, tổng diện tích 75,6m^2, kết cấu: Mái lợp tôn, cột bằng gỗ làm năm 2014.

+ Cây trồng trên đất: 02 cây điều trồng từ năm 2002 loại c, 01 cây xung, 01 cây bơ trồng năm 2014.

- Đối với lô đất thửa 94, tờ bản đồ 29 (Bản đồ đo đạc năm 2011), tọa lạc tại thôn 12, xã N, huyện Đ có diện tích và tứ cận cụ thể như sau:

Phía Nam giáp sình dài 57,93m; Phía Bắc giáp phần đất đã bị thu hồi dài 53,77m; Phía Đông giáp đất ông Bàng dài 256,33m; Phía Tây giáp đất đã bị thu hồi dài 205,64m. Tổng diện tích lố đất là 11.383,9m^2.

Trên đất có các tài sản sau:

+ 1028 cây cà phê trông năm 1999 đến năm 2012 bị cưa gốc để lại chồi hiện đang thu hoạch.

+ 150 cây điều trồng năm 2002 (trồng xen với cây cà phê).

+ Ngoài ra còn một số cây ăn trái trồng xen trong cà phê và điều gồm: 02 cây bưởi, 02 cây ổi, 02 cây xoài, 01 cây đu đủ; 01 cây mít, 02 cây chanh, 01 bụi chuối, 01 cây bơ.

+ 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 4,6 x 8m = 36,8m2, có kết cầu: Mái lợp tôn, tường xây gạch 10 quét vôi, nền láng xi măng, không trần; phía trước căn nhà có 01 mái hiên có diện tích 4,6m x 2m = 9,6m^2. Nhà và mái hiên xây dựng năm 2015 do ông D xây sau khi đã ly hôn.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 01/4/2020 của Công ty Thẩm định giá BTA Việt Nam thì toàn bộ các tài sản trên có giá trị là 714.325.000 đồng. Trong đó đất và các tài sản gắn liền trên đất, tọa lạc tại Bon B, xã N, huyện Đ có giá trị 205.524.110 đồng; Đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, tọa lạc tại thôn 12, xã N, huyện Đ có giá trị là 508.828.300 đồng (Không định giá căn nhà và mái hiên vì ông D đã làm sau khi ly hôn).

Đối với anh Trương Khai M và chị Trương Thị H trong quá trình giải quyết không yêu cầu gì.

Tại bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P đối với ông Trương Văn D và một phần yêu cầu độc lập của anh Trương Khai V.

Giao diện tích 11.383,9m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 94, tờ bản đồ 29 (Bản đồ đo đạc năm 2011), tọa lạc tại thôn 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho ông Trương Văn D quản lý, sử dụng, định đoạt. Có tứ cận:

+ Phía Nam giáp sình dài 57,93m;

+ Phía Bắc giáp phần đất đã bị thu hồi dài 53,77m;

+ Phía Đông giáp đất ông B dài 256,33m;

+ Phía Tây giáp đất đã bị thu hồi dài 205,64m

Tạm giao diện tích 603,5m^2 và tài sản trên đất thuộc thửa 323, tờ bản đồ 17 (Bản đồ đo đạc năm 2011), tọa lạc tại Bon B, xã Nhân, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho bà Hồ Thị P quản lý, sử dụng, định đoạt. Có tứ cận:

+ Phía Nam giáp đường nhựa liên thôn rộng 09m;

+ Phía Bắc giáp đất ông T rộng 08m;

+ Phía Tây giáp đất ông B dài 71m;

+ Phía Đông giáp đất anh M dài 71m.

Ông Trương Văn D trả bà Hồ Thị P số tiền chênh lệch là 100.773.000 đ *(Một trăm triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*

Ông Trương Văn D bà Hồ Thị P trả công sức đóng góp cho anh Trương Khai V mỗi người là 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án

Ông Trương Văn D, bà Hồ Thị P mỗi người được nhận 18.106.898đ tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản bị ảnh hưởng bởi dự án nhánh rẽ 220KV đấu nối nhà máy điện phân Nhôm Đắk Nông

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2020, ông Trương Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do không đồng ý việc cấp sơ thẩm giải quyết chia tài sản của ông cho bà P và không đồng ý chịu tiền án phí.

Ngày 17/7/2020 bà Hồ Thị P kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết chia đôi số tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 94, tờ bản đồ 29 (Bản đồ đo đạc năm 2011), tọa lạc tại thôn 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và chia đôi số tiền mặt 36.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của bà.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 21/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2012 bà P không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nên tòa không giải quyết. Đồng thời năm 2016 khi nhận tiền bồi thường đối với số tiền 378.328.300 đồng ông đã chia cho bà P số tiền nhiều hơn là 269.328.300 đồng, ông chỉ được 109.000.000 đồng. Vì vậy nay ông không đồng ý chia như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị P và ông Trương Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn D và bà Hồ Thị P, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trương Văn D và bà Hồ Thị P làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trương Văn D và bà Hồ Thị P nhận thấy:

[2.1]. Trong quá trình giải quyết xét xử ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông D, bà P đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân ông, bà đã tao lập được khối tài sản chung gồm: 01 lô đất diện tích 603,5m^2 và tài sản trên đất thuộc thửa 323, tờ bản đồ 17, tọa lạc tại Bon B, xã N, huyện Đ (có số thửa, có tên chủ hộ là ông Trương Văn D nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. Theo Biên bản xác minh của Tòa án nhân

dân huyện Đ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thì thửa đất trên phù hợp với quy hoạch, đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ); 01 lô đất diện tích 11.383,9m^2 thuộc thửa 94, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại thôn 12, xã N, huyện Đ (đã được cấp GCNQSDĐ) và tài sản là cây trồng và công trình xây dựng trên đất; số tiền 36.213.797 đồng là tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản bị ảnh hưởng bởi dự án nhánh rẽ 220KV đấu nối nhà máy điện phân Nhôm Đắk Nông.

[2.2]. Xét kháng cáo của bà P yêu cầu cấp phúc thẩm chia khối tài sản là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 29 với diện tích 11.383,9m^2. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 29 với diện tích 11.383,9m^2 sau khi ly hôn với bà P năm 2012 ông D là người trực tiếp quản lý, sử dụng và chăm sóc, cải tạo lại vườn cây và năm 2015 đã xây dựng 01 căn nhà xây cấp 04 và sinh sống từ đó đến nay. Bà P cũng thừa nhận từ khi ly hôn đến nay không tham gia canh tác trên diện tích đất này. Do đó, khi xem xét để phân chia tài sản, cấp sơ thẩm đã xem xét đến quá trình sử dụng và xây dựng, cải tạo, chăm sóc để chia cho ông D được phần nhiều hơn (60% giá trị tài sản) thuộc tài sản chung của ông, bà (còn phần ông D tự làm thêm sau khi ly hôn gồm 1 căn nhà + mái hiên không chia thuộc quyền sở hữu của ông D) và được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt, còn bà P được hưởng phần ít hơn (40% giá trị tài sản) là phù hợp và đúng với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Thông tư số 01/2016/TTLT-TADNTC-VKSNDTC ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Bên cạnh đó, ngày 08/8/2016 khi nhận tiền đền bù thu hồi đất ông, bà đã tự thỏa thuận phân chia thì bà P được hưởng nhiều hơn. Cụ thể: Bà P được hưởng số tiền là 269.328.300 đồng còn ông D được hưởng số tiền là 109.000.000 đồng. Đối với thửa đất số 323 diện tích 603,5m^2, về phần tài sản này, sau khi ly hôn ông D không sinh sống tại đây, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung và công sức đóng góp vợ chồng ông D, bà P bằng nhau để phân chia mỗi người được hưởng ½ giá trị là phù hợp và hiện tại bà P chưa có nhà ở. Do vậy cấp sơ thẩm đã giao thửa đất này cùng toàn bộ tài sản trên đất cho bà P được quản lý, sử dụng, định đoạt là phù hợp. Đồng thời buộc ông D còn phải trả cho bà P số tiền chênh lệch là 100.773.000 đ *(Một trăm triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng)* là phù hợp. Như vậy, xét thấy quyền lợi của bà cũng đã được đảm bảo. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị P.

[2.3]. Đối với yêu cầu của bà P về việc yêu cầu chia số tiền 36.213.797 đồng là tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND huyện Đ mà ông D, bà P được bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa nhận số tiền này. Cấp sơ thẩm đã chia mỗi người được hưởng ½ số tiền này là phù hợp. Cụ thể mỗi người được hưởng số tiền 18.106.898 đồng.

[2.4]. Xét kháng cáo của ông Trương Văn D về việc không đồng ý giải quyết chia tài sản chung vì khi ly hôn bà P không yêu cầu chia nhưng nay yêu cầu chia

thì ông không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 21/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2012 thì Tòa án nhân dân huyện Đ chưa giải quyết vấn đề về tài sản chung do các bên không yêu cầu nên không ảnh hưởng đến quyền yêu cầu chia tài sản của bà P. Nay bà P yêu cầu Tòa án chia tải sản sau ly hôn là đúng quy định định tại Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông D.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhân. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2020/HNGĐ-ST ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông ông Trương Văn D và bà Hồ Thị P mỗi người phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; các điểm a, b khoản 7 Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn D và bà Hồ Thị P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 16/2020/HNGĐ-ST ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P đối với ông Trương Văn D và một phần yêu cầu độc lập của anh Trương Khai V.

1.1. Giao diện tích 11.383,9m^2 và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa 94, tờ bản đồ 29 (Bản đồ đo đạc năm 2011), tọa lạc tại thôn 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho ông Trương Văn D quản lý, sử dụng, định đoạt. Có tứ cận:

+ Phía Nam giáp sình dài 57,93m;

+ Phía Bắc giáp phần đất đã bị thu hồi dài 53,77m;

+ Phía Đông giáp đất ông B dài 256,33m;

+ Phía Tây giáp đất đã bị thu hồi dài 205,64m

1.2. Tạm giao diện tích 603,5m^2 và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa 323, tờ bản đồ 17 (Bản đồ đo đạc năm 2011), tọa lạc tại Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho bà Hồ Thị P quản lý, sử dụng, định đoạt. Có tứ cận:

+ Phía Nam giáp đường nhựa liên thôn rộng 09m;

+ Phía Bắc giáp đất ông T rộng 08m;

+ Phía Tây giáp đất ông B dài 71m;

+ Phía Đông giáp đất anh M dài 71m.

1.3. Ông Trương Văn D trả bà Hồ Thị P số tiền chênh lệch là 100.773.000 đ *(Một trăm triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*.

1.4. Ông Trương Văn D bà Hồ Thị P trả công sức đóng góp cho anh Trương Khai V mỗi người là 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án.

1.5. Ông Trương Văn D, bà Hồ Thị P mỗi người được nhận 18.106.898đ tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản bị ảnh hưởng bởi dự án nhánh rẽ 220KV đấu nối nhà máy điện phân Nhôm Đắk Nông.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trương Văn D phải hoàn trả cho bà Hồ Thị P số tiền 6.900.000 đồng tiền chi phí tố tụng mà bà P đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Trương Văn D phải nộp 21.047.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

3.2. Buộc bà Hồ Thị P phải nộp 16.220.000 đồng, được khấu trừ 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004612 ngày 04 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bà Hồ Thị P còn phải nộp tiếp 8.720.000 đồng;

3.3. Buộc anh Trương Khai V phải nộp 3.000.000đ tiền án phí, được khấu trừ 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh Văn đã nộp theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004756 ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Anh Trương Khai V còn phải nộp tiếp 500.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Trương Văn D, phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên số 0002759 ngày 22/7/2020. Bà bà Hồ Thị P phải chịu 300.000 đồng (được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng

án phí đã nộp theo biên số 0002763 ngày 23/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Chiến